

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đối tượng và dự toán kinh phí
thực hiện tình giản biên chế đợt I năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về tình giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự
toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tình giản
biên chế; Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
31/2019/TTBTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm
2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Liên Sở Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 04/TTr-
LS:NV-TC ngày 03 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện tình
giản biên chế đợt I năm 2024, cụ thể như sau:

- Số đối tượng thực hiện tình giản biên chế đợt 1 năm 2024: 145 người.
- Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 27.485.771.000 đồng (hai mươi bảy
tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, phổ biến Quyết định này đến các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách tỉnh giản biên chế; đồng thời, thực hiện trách nhiệm về công bố thông tin và tổng hợp, báo cáo các nội dung về việc thực hiện chính sách tỉnh giản biên chế gửi các cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định.

4. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Quyết định này, các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách tỉnh giản biên chế có trách nhiệm rà soát các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện các trình tự, thủ tục có liên quan theo đúng quy định của pháp luật về tỉnh giản biên chế và các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan; quản lý kinh phí được giao và chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực nội vụ, tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các quyết định của mình.

5. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Bảo hiểm xã hội tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách tỉnh giản biên chế theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KTTC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục số 01:
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ ĐỘT I NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tính giảm biên chế					Kinh phí cho tính giảm biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Ngân sách nhà nước (NSNN) đảm bảo từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (đợt 1 năm 2024)		145	92		53		27.485.771	15.235.831		12.249.940	
I	Khối Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội	1	1		0		193.084	193.084		0	
1	Huyện ủy Hà Trung	1	1				193.084	193.084			
II	Khối Hành chính	49	29		20		7.129.592	3.561.313		3.568.279	
a	Cấp huyện	3	2	0	1		701.895	350.275		351.620	

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
1	Huyện Bá Thước	2	1		1		507.950	156.330		351.620	
2	Huyện Thường Xuân	1	1				193.945	193.945			
c	Cấp xã	46	27	0	19		6.427.697	3.211.038		3.216.659	
1	Huyện Triệu Sơn	2	1		1		386.138	93.719		292.419	
2	Huyện Hoằng Hóa	2	2				179.711	179.711			
3	Huyện Thạch Thành	3	2		1		388.557	205.736		182.821	
4	Huyện Quan Sơn	4	4				423.857	423.857			
5	Huyện Yên Định	5	5				581.769	581.769			
6	Huyện Quảng Xương	1			1		215.170			215.170	
7	Huyện Như Xuân	3	1		2		552.730	130.684		422.046	
8	Huyện Thường Xuân	5	3		2		670.724	371.298		299.426	

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
9	Huyện Như Thanh	1			1		165.934			165.934	
10	Thành phố Sầm Sơn	1			1		335.651			335.651	
11	Huyện Hà Trung	3	1		2		397.838	154.620		243.218	
12	Huyện Cẩm Thủy	2			2		260.258			260.258	
13	Huyện Lang Chánh	4	2		2		475.134	248.805		226.329	
14	Huyện Ngọc Lặc	4	1		3		586.825	142.931		443.894	
15	Thị xã Bỉm Sơn	1	1				88.554	88.554			
16	Huyện Hậu Lộc	2	2				264.371	264.371			
17	Huyện Bá Thước	1			1		129.493			129.493	
18	Huyện Nông Cống	1	1				180.448	180.448			

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
19	Huyện Thiệu Hóa	1	1				144.535	144.535			
III	Khối sự nghiệp	95	62		33		20.163.095	11.481.434		8.681.661	
a	Cấp tỉnh	16	14		2		2.688.232	2.403.674		284.558	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	4				932.709	932.709			
2	Sở Y tế	5	5				879.661	879.661			
3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1	1				234.240	234.240			
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	2				135.176	135.176			
5	Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa	1	1				95.288	95.288			
6	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	1	1				126.600	126.600			
7	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa	2			2		284.558			284.558	
b	Cấp huyện	79	48		31		17.474.863	9.077.760		8.397.103	

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
1	Thành phố Sầm Sơn	1	1				266.342	266.342			
2	Huyện Nga Sơn	1	1				167.084	167.084			
3	Huyện Triệu Sơn	1			1		223.533			223.533	
4	Huyện Hà Trung	4	3		1		1.161.578	765.851		395.727	
5	Huyện Thọ Xuân	7	7				1.204.590	1.204.590			
6	Thành phố Thanh Hóa	8	6		2		1.849.269	1.073.559		775.710	
7	Huyện Yên Định	6	3		3		1.587.398	717.104		870.294	
8	Huyện Quảng Xương	3			3		1.087.388			1.087.388	
9	Thị xã Nghi Sơn	2	1		1		383.215	182.983		200.232	
10	Huyện Hoằng Hóa	2	1		1		559.059	290.604		268.455	
11	Huyện Thiệu Hóa	2	1		1		530.143	224.808		305.335	
12	Huyện Nông Cống	3	1		2		760.863	226.760		534.103	

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
13	Huyện Hậu Lộc	2	2				410.300	410.300			
14	Huyện Vĩnh Lộc	1	1				220.489	220.489			
15	Thị xã Bim Sơn	2	2				452.292	452.292			
16	Huyện Như Xuân	3	1		2		563.354	191.848		371.506	
17	Huyện Thường Xuân	3	1		2		737.606	0		737.606	
18	Huyện Như Thanh	4	3		1		797.254	593.232		204.022	
19	Huyện Thạch Thành	2			2		519.717			519.717	
20	Huyện Bá Thước	5	4		1		1.057.972	774.135		283.837	
21	Huyện Cẩm Thủy	3			3		881.254			881.254	
22	Huyện Quan Sơn	1	1				192.575	192.575			
23	Huyện Ngọc Lặc	6	2		4		1.005.909	371.537		634.372	
24	Huyện Lang Chánh	7	6		1		855.679	751.667		104.012	

Phụ lục số 02:

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ ĐỘT I NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế		Thời điểm tính giảm biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giảm			
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay					
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
Ngân sáchs nhà nước (NSNN) đảm bảo từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024																													27.485.771	
I	Khối Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội																									193.084				
1	Nguyễn Văn Chính	11/1964	Trung cấp	Công chức Ban Tổ chức huyện ủy huyện Hà Trung	4,06	10/2004					25%	10/2023	2,94	10/2002	9.135	7.723	44	10		59	5	01/5/2024	x			193.084	Công chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giảm biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý			
II	Khối Hành chính																									7.129.592				
a	Cấp huyện																									701.895				
a.1	Huyện Bá Thước																									507.950				
2	Phạm Văn Ân	3/1970	Đại học	Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện	4,98	12/2021							4,65	12/2018	8.964	7.596	28	1		53	9	01/01/2024		x		351.620	Công chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giảm biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý			
3	Nguyễn Xuân Tấn	9/1966	Đại học	Chuyên viên phòng Dân tộc, UBND huyện	4,65	11/2021							4,32	11/2018	8.370	6.948	28			57	8	01/6/2024	x			156.330	Công chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giảm biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý			
a.2	Huyện Thường Xuân																									193.945				
4	Cầm Bá Tiệp	02/1966	Đại học	Phó trưởng Ban Dân tộc HĐND huyện	4,98	01/2021	0,2	8/2021			5%	01/2021	4,65	01/2018	9.772	7.758	35	9		57	11	01/02/2024	x			193.945	Công chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm tại thời điểm xét tính giảm biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý			

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
9	Nguyễn Thị Thảo	8/1970	Đại học	Phó CT HĐND xã Thạch Quảng	3	12/2019	0,20	08/2021					2,67	12/2016	5.760	4.736	18	5		53	4	01/01/2024	x			80.519	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý (về theo K5, Điều 5, NĐ 29/2023)
10	Nguyễn Văn Trung	01/1967	Đại học	Công chức TP-HT xã Thành Vinh	3,99	06/2020							3,66	06/2018	7.500	5.963	21	10		57	2	01/3/2024	x			125.217	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
11	Phạm Đức Thuận	10/1976	Đại học	Công chức tư pháp- Hộ tịch xã Thành Yên	3,66	01/2020							3,33	01/2017	7.750	5.435	20			47	2	01/01/2024		x		182.821	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
b.4	Huyện Quan Sơn																									423.857	
12	Phạm Bá Tém	12/1966	Trung cấp	Phó BT Đảng ủy xã Mường Mìn	3,66	11/2022	0,25	06/2020					3,46	11/2020	7.038	5.682	24	7		57	3	01/4/2024	x			127.845	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, do tuổi cao ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
13	Lương Văn Săng	01/1967	Trung cấp	Phó CT xã Mường Mìn	3,66	05/2023	0,20	07/2021					3,46	05/2021	6.948	5.541	24	7		57	2	01/4/2024	x			124.673	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, do tuổi cao ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
14	Ngân Văn Duyệt	10/1964	Trung cấp	Phó CT HĐND thị trấn Sơn Lư	3,26	02/2024	0,20	07/2021					3,06	02/2022	6.228	4.788	20	3		59	5	01/4/2024	x			61.047	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
15	Lò Văn Hùng	12/1965	Trung cấp	CT UBNDTTQ xã Sơn Hà	3,66	12/2023	0,20	05/2020					3,46	12/2021	6.948	5.252	28			58		01/01/2024	x			110.292	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.5	Huyện Yên Định																									581.769	
16	Nguyễn Hữu Cẩn	3/1965	Đại học	Phó chủ tịch HĐND xã Định Thành	3,66	05/2023	0,20	01/2021					3,33	5/2020	6.948	5.473	33	1		59	1	01/5/2024	x			105.358	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bổ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
17	Đỗ Hữu Hồng	3/1966	Đại học	Chủ tịch Hội nông dân xã Định Thành	4,98	11/2021	0,15	05/2015					4,65	11/2018	9.234	7.647	34	5		58	1	01/5/2024	x			185.437	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bổ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
18	Lê Văn Sơn	5/1965	Cao đẳng	Công chức Tài chính- kế toán xã Định Thành	3,34	7/2023							3,03	7/2020	6.012	4.647	26	3		58	11	01/5/2024	x			80.168	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
19	Trịnh Viết Tổng	4/1965	Trung cấp	Công chức Địa chính- NN-XD-MT xã Định Long	4,06	01/2021					6%	01/2024	3,86	1/2019	7.746	6.164	32	3		58	10	01/3/2024	x			124.813	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
20	Trịnh Xuân Tinh	3/1965	Cao đẳng	Công chức Văn phòng - thống kê xã Định Long	3,96	5/2022							3,65	5/2019	7.128	5.733	22			58	11	01/3/2024	x			85.993	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.6	Huyện Quảng Xương																										215.170	
21	Phạm Thị Hà	8/1980	Đại học	Công chức Tư pháp- Hộ tịch xã Quảng Văn	3,99	01/2022							3,66	01/2019	7.182	5.737	22	1		43	4	01/01/2024			x	215.170	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bổ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
b.7	Huyện Như Xuân																									552.730	
22	Lê Hữu Nghĩa	10/1966	Trung cấp	C chức địa chính, NN,MT xã Thanh Sơn	3,86	11/2023							3,66	11/2021	6.948	5.389	28	3		57	5	01/4/2024	x			130.684	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
23	Vi Văn Cẩm	01/1971	Trung cấp	CC địa chính- XD xã Thanh Sơn	3,86	11/2023							3,66	5/2021	6.948	5.507	23	7		53	2	01/4/2023		x		219.096	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ (kỷ luật năm 2023 kéo dài lương 6 tháng), cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
24	Ngân Văn Tiến	10/1967	Cao đẳng	CC VH-XH xã Thanh Phong	3,65	11/2022							3,34	11/2019	6.570	5.090	24			56	2	01/01/2024		x		202.950	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí, do tuổi cao ko bổ trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.8	Huyện Thường Xuân																									670.724	
25	Lê Văn Trường	11/1985	Đại học	CC địa chính, NN,MT xã Lương Sơn	3,33	11/2020							3	11/2017	5.994	4.855	13	2		38	1	01/01/2024		x		116.296	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bổ trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
26	Vi Đình Khuyên	01/1965	Đại học	CT HĐND xã Xuân Chinh	3,66	06/2021	0,25	07/2021					3,33	6/2018	7.038	5.674	24	9		58	11	01/01/2024	x			93.615	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
27	Cầm Bá Quân	4/1966	Đại học	Phó CT HĐND xã Xuân Chinh	3,66	03/2021	0,20	07/2021					3,33	3/2018	6.948	5.640	22	9		57	8	01/01/2024	x			112.791	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
28	Lò Thị Khương	6/1972	Trung cấp	CT UBMTTQ xã Xuân Chinh	3,26	01/2024	0,20	01/2019					3,06	01/2022	6.228	4.767	22	9		51	9	01/3/2024			x	183.130	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
29	Lò Xuân Lâm	8/1966	Đại học	CT UBMTTQ xã Lương Sơn	4,32	10/2022	0,20	12/2017					3,99	10/2020	7.776	6.342	31	7		57	5	01/02/2024	x			164.892	CB trong năm thực hiện xét tính giản biên chế CB xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Số năm, tháng đóng BHXH				Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN				Thôi việc ngay				
													Năm	Tháng						Năm	Tháng						
b.9	Huyện Như Thanh																									165.934	
30	Lê Đăng Tuyên	01/1977	Trung cấp	CC VH- XH xã Xuân Phúc	3,26	11/2023							3,06	11/2021	5.868	4.602	19	9		47	4	01/6/2024			x	165.934	CC dôi dư do sắp xếp lại đơn vị HC cấp xã thực hiện Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH và QĐ số 16/2020/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về bố trí số CB, CC cấp xã trên địa bàn tỉnh (xã Phúc Đường sáp nhập về xã Xuân Phúc); cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (tại Đ b, K2, Đ 9 ND 29/2023 của CP).
b.10	Thành phố Sầm Sơn																									335.651	
31	Lê Ngọc Tiến	7/1968	Đại học	CC Địa chính- XD xã Quảng Minh	4,32	04/2021							3,99	04/2018	7.776	6.309	33			55	4	01/01/2024			x	335.651	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 năm được xếp loại chất lượng HTNV và 01 năm (2023)không HTNV nhưng khôngthể bỏ trí việc làm khác phù hợp. Cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý
b.11	Huyện Hà Trung																									397.838	
32	Ngô Văn Tuy	8/1966	Trung cấp	CC Tài chính-KH xã Hoạt Giang	4,06	11/2021					5%	11/2023	4,06	11/2021	7.673	6.185	32	9		57	9	01/6/2024	x			154.620	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, do tuổi cao ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Số năm, tháng đóng BHXH				Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN				Thôi việc ngay					
													Năm	Tháng						Năm	Tháng							
33	Đào Đình Đang	10/1976	Đại học	CC VP-TK xã Hà Tân	3,33	02/2022							3	11/2019	4.962	4.653	18	6		47	11	01/01/2024			x	147.103	Trong năm xét tinh giản biên chế CC có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định của Luật BHXH, nghỉ hưởng lương có xác nhận của CQ BHXH về chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật. Cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được CQ trực tiếp quản lý đồng ý.	
34	Nguyễn Ngọc Ngải	9/1966	Đại học	Bí thư Đảng ủy xã Hà Tân	3,33	04/2023	0,25	6/2020					3	4/2020	6.444	4.875	15	8		57	4	01/01/2024			x	96.115	Trong năm xét tinh giản biên chế CB có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định của Luật BHXH, nghỉ hưởng lương có xác nhận của CQ BHXH về chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật. Cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được CQ trực tiếp quản lý đồng ý.	
b.12	Huyện Cẩm Thủy																										260.258	
35	Quách Văn Tiêu	9/1968	Trung cấp	CC VP-thống kê xã Cẩm Tâm	3,66	02/2024							3,46	02/2022	6.588	5.108	24	4		55	6	01/4/2024			x	207.483	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
36	Nguyễn Tiến Hùng	6/1976	Đại học	CC TP- HT xã Cẩm Liên	2,67	12/2022							2,34	12/2019	4.806	3.653	6	10		47	6	01/01/2024			x	52.775	Có 02 năm liền tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
b.13	Huyện Lang Chánh																									475.134		
37	Hà Văn Nghiêm	01/1967	Đại học	Phó CT HĐND xã Trí Nang	4,32	07/2022	0,20	07/2021					3,99	7/2019	8.136	6.696	24	11		57	4	01/6/2024	x				150.660	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
38	Lương Văn Thành	9/1966	Đại học	CC VP-TK xã Yên Khương	3,00	03/2022							2,67	3/2019	5.400	4.362	25			57	3	01/01/2024	x				98.145	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
39	Lê Văn Hoàng	12/1978	Trung cấp	CC Tư pháp-HT xã Giao Thiện	3,06	03/2024							2,86	3/2022	5.508	4.160	19	7		45	3	01/4/2024			x		141.324	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
40	Ngân Văn Giáp	6/1979	Đại học	CT Hội Cựu chiến binh xã Trí Nang	3,00	05/2021	0,15	01/2017					2,67	5/2018	5.670	4.533	10			44	6	01/01/2024			x		85.005	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
b.14	Huyện Ngọc Lặc																										586.825	
41	Lê Đình Khải	5/1965	Đại học	BT Đảng ủy, CT HĐND xã Thủy Sơn	4,65	7/2021	0,30	12/2019					4,32	7/2018	8.910	7.237	31	1		58	7	01/01/2024	x				142.931	Trong năm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định của Luật BHXH, nghỉ hưởng lương có xác nhận của CQ BHXH về chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật. Cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được CQ trực tiếp quản lý đồng ý.
42	Bùi Minh Tuấn	4/1972	Đại học	Phó BT Thường trực Đảng ủy xã Nguyệt Ấn	3,66	01/2022	0,25	01/2019					3,33	01/2019	7.036	5.616	19	4		51	8	01/01/2024				x	185.382	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
43	Phạm Văn Tinh	02/1967	Trung cấp	CT MTTQ xã Ngọc Sơn	2,86	10/2023	0,20	8/2020					2,66	10/2021	5.508	4.300	22	10		48	1	01/4/2024				x	164.874	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, do tuổi cao ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
44	Lưu Vĩnh Thắng	4/1982	Đại học	Công chức VH-XH xã Minh Sơn	3	8/2021							2,67	8/2020	5.400	4.130	12	4		41	8	01/01/2024				x	93.638	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
b.15	Thị xã Bim Sơn																									88.554	
45	Phùng Thị Thúy	3/1970	Đại học	CC VH-XH phường Đông Sơn	3,66	9/2021							3,33	9/2019	6.588	5.209	15	1		53	9	01/01/2024	x			88.554	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
b.16	Huyện Hậu Lộc																									264.371	
46	Nguyễn Đình Lâm	10/1965	Trung cấp	CT Hội Cựu chiến binh xã Xuân Lộc	4,06	02/2016	0,15	02/2020			11%	02/2024	3,86	02/2015	7.776	7.033	32	2		58	7	01/6/2024	x			156.484	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, do tuổi cao ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
47	Nguyễn Văn Thế	5/1965	Đại học	Công chức Địa chính- XD xã Xuân Lộc	3,99	11/2021							3,66	11/2018	7.182	5.744	29	1		58	7	01/01/2024	x			107.887	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
b.17	Huyện Bá Thước																									129.493	
48	Lê Mạnh Hùng	10/1972	Đại học	Công chức Địa chính - XD xã Điền Lư	3,66	7/2023							3,33	01/2020	6.588	5.045	14	6		51	2	01/01/2024		x		129.493	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2023) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
b.18	Huyện Nông Cống																									180.448	
49	Hoàng Ngọc Tăng	8/1966	Cao đẳng	Chủ tịch MTTQ xã Minh Nghĩa	4,89	06/2020	0,20	01/2019			5%	6/2023	4,58	6/2018	9.602	7.761	29	3		57	6	01/4/2024	x			180.448	CB chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.19	Huyện Thiệu Hóa																									144.535	
50	Nguyễn Văn Hải	10/1966	Trung cấp	Công chức Kế hoạch-Tài chính xã Thiệu Phúc	3,86	6/2023							3,66	6/2021	6948	5.613	34	1		57	7	01/6/2024	x			144.535	CC chưa đạt trình độ ĐT theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
III	Khối Sự nghiệp																									20.163.095	
a	Cấp tỉnh																									2.688.232	
a.1	Sở Giáo dục và Đào tạo																									932.709	
51	Nguyễn Anh Tuấn	5/1965	Thạc sỹ	Phó Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên-kỹ thuật tổng hợp Thanh Hóa	6,44	01/2022	0,7	10/2018	12%	7/2023			6,1	01/2019	14.394	11.495	40	2		58	7	01/01/2024	x			278.744	Dôi dư do sáp nhập Trung tâm GDTX tỉnh với Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Thanh Hóa theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa
52	Lê Thành Lượng	8/1965	Đại học	Giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên-kỹ thuật tổng hợp Thanh Hóa	4,98	10/2010			34%	01/2023	15%	10/2023	4,65	12/2017	13.814	11.162	36	4		58	4	01/01/2024	x			265.089	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác (dôi dư 01 giáo viên dạy môn Toán)

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
53	Phạm Thị Oanh	10/1970	Đại học	Giáo viên trường THPT 3 Cẩm Thủy	4,98	01/2018			28%	9/2023	7%	01/2023	4,65	01/2015	12.277	10.101	30	7		53	7	01/6/2023	x			242.424	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
54	Nguyễn Thị Lan Hương	12/1969	Đại học	Giáo viên trường THPT Đông Sơn 1	4,98	9/2021			24%	10/2023			4,65	9/2019	11.115	8.743	25	3		54		01/01/2024	x			146.452	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
a.2	Sở Y tế																									879.661	
55	Hà Văn Tiếp	01/1967	Đại học	Bác sỹ đa khoa - TYT xã Lâm Phú, TTYT huyện Lang Chánh	4,65	12/2022							4,32	12/2019	8.370	7.006	34	7		57	4	01/6/2024	x			192.665	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
56	Vi Thị Lan	7/1970	Đại học	Bác sỹ YHDP - TYT thị trấn Lang Chánh, TTYT huyện Lang Chánh	4,98	4/2024							4,65	4/2021	8.964	6.976	29	6		53	9	01/5/2024	x			151.723	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
57	Nguyễn Thị Thuý	3/1971	Trung cấp	Y sỹ Trạm y tế thị trấn Ngọc Lặc, TTYT huyện Ngọc Lặc	4,06	01/2019					8%	01/2024	3,86	01/2017	7.893	6.549	30	5		53	2	01/6/2024	x			155.532	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
58	Đỗ Văn Quang	02/1966	Đại học	TP Tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	4,98	01/2015	0,5	12/2016			10%	7/2023	4,65	01/2013	10.760	9.106	33	9		58	3	01/6/2024	x			204.885	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

[illegible]

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
68	Nguyễn Thị Tuyết	5/1969	Trung cấp	Giáo viên trường tiểu học Nga Phượng 1	4,06	9/2013			29%	10/2023	13%	9/2023	3,86	9/2011	10.653	8.794	32	8		54	11	01/5/2024	x				167.084	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí và không thể bổ trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ	
b.3	Huyện Triệu Sơn																											223.533	
69	Võ Bích Hằng	7/1979	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Đồng Thắng	3,96	12/2022			19%	12/2023			3,65	12/2019	8.482	6.442	20	1		44	5	01/01/2024		x			223.533	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.4	Huyện Hà Trung																										1.161.578		
70	Lê Thanh Hải	01/1966	Đại học	Hiệu trưởng trường THCS Hà Tân	5,7	01/2023	0,35	12/2006	34%	01/2023			4,98+11%	4/2022	14.593	11.671	36	4		57	11	01/01/2024	x				294.681	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
71	Phạm Thanh Quang	7/1974	Đại học	Phó hiệu trưởng trường THCS Hà Tân	5,02	01/2023	0.25	3/2009	24%	02/2023			4,65	01/2020	11.763	9.068	26	3		49	5	01/01/2024			x		395.727	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
72	Trương Trọng Ái	02/1966	Đại học	Hiệu trưởng trường Tiểu học Hà Văn	5,02	01/2023	0.3	02/2006	29%	3/2023			4,98	10/2020	12.353	9.929	34	2		57	10	01/01/2024	x				240.780	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
73	Chu Thị Lan	01/1970	Đại học	Giáo viên trường THCS Hà Bắc	5,36	01/2023			31%	01/2023			4,98+7%	12/2022	12.639	10.355	33	4		53	11	01/01/2024	x				230.390	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.5	Huyện Thọ Xuân																											1.204.590	
74	Lê Đình Thiết	5/1965	Đại học	Phó Hiệu trưởng Trường THCS Thọ Lộc	5,7	01/2023	0,25	10/2004	33%	01/2024			4,98+8%	11/2022	14.244	11.375	34	9		59		01/6/2024	x				227.498	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
75	Trịnh Thị Nhuận	10/1968	Đại học	Hiệu Trưởng Trường THCS Xuân Thiên													33	4		55	2	01/01/2024	x				0	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
76	Nguyễn Thị Duyên	9/1970	Đại học	Giáo viên Trường THCS thị trấn Lam Sơn	5,02	01/2023			28%	9/2023			4,98	9/2021	11.566	9.131	30	4		53	3	01/01/2024	x				216.864	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
77	Phạm Thị Thanh	8/1970	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Thọ Lập	4,68	01/2023			27%	9/2023			4,65	9/2022	10.698	8.563	31			53	9	01/6/2024	x				192.661	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
78	Trịnh Thị Hương	3/1970	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Thọ Lập	4,68	01/2023			25%	9/2023			4,65	10/2022	10.530	8.406	26	9		54	2	01/6/2024	x				159.705	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
79	Đỗ Thị Thơm	02/1970	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học&THCS Thọ Thắng	5,36	01/2023			32%	9/2023			4,98+5%	4/2022	12.735	10.304	33	4		53	10	01/01/2024	x				229.261	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
80	Trịnh Thị Mai	4/1969	Cao đẳng	Giáo viên Trường Tiểu học Trường Xuân	4,98	7/2019	0,2	10/2018	32%	9/2023	6%	7/2023	4,58	7/2016	13.018	10.062	33	4		54	8	01/01/2024	x				178.601	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ	
b.6	Thành phố Thanh Hóa																										1.849.269		
81	Lại Thị Hương	9/1970	Trung cấp	Y sỹ trưởng Mầm Non Ba Đình	4,06	10/2018					7%	10/2022	3,86	10/2016	7.820	6.382	27	3		53	3	01/01/2024	x				142.009	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
82	Nguyễn Xuân Tâm	6/1979	Đại học	Giáo viên trường THCS Quảng Phú	4,68	01/2023				22%	10/2023			4,65	10/2021	10.277	8.079	23	1		44	6	01/01/2024			x		315.632	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
83	Lê Xuân Quyền	01/1965	Đại học	Hiệu trưởng THCS Hoàng Đại	4,98		0,35	10/2020	38%	9/2023	14%	12/2022	4,65		14.972	12.543	38	9		59	4	01/6/2024	x				275.956	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
84	Trịnh Thị Hà	9/1969	Đại học	Kế toán trưởng THCS Long Anh	4,06	3/2017					9%	9/2023	3,86	3/2015	7.966	6.692	27	7		54	3	01/01/2024	x				120.448	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
85	Lê Thị Tâm	10/1969	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	4,89	9/2015			31%	9/2023	10%	9/2023	4,58	9/2013	12.684	10.242	33	4		54	2	01/01/2024	x			212.529	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bổ trí và không thể bổ trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
86	Nguyễn Thị Hạnh	5/1970	Trung cấp	Kế toán trường Tiểu học Hoàng Đại	4,06	4/2017					9%	10/2023	3,86	4/2016	7.966	6.629	28	4		53	7	01/01/2024	x			140.864	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
87	Trần Thị Hương	9/1970	Đại học	Kế toán trường Tiểu học Quảng Thắng	4,98	7/2023							4,65	01/2020	8.964	6.991	34	10		53	3	01/01/2024	x			181.753	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
88	Lê Thị Thu Thủy	4/1974	Đại học	Hiệu trưởng trường Tiểu học Đông vệ 2	5,36	3/2023	0,5	4/2018	26%	7/2023			5,02	01/2023	13.290	10.187	27	4		49	8	01/01/2024		x		460.078	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.7	Huyện Yên Định																									1.587.398	
89	Lê Thế Huy	02/1976	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Thị trấn Quán Lâu	4,58	6/2023			22%	12/2023			4,27	6/2020	10.058	7.614	23	1		47	10	01/01/2024		x		298.559	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
90	Hoàng Thị Minh Ngà	10/1978	Đại học	Giáo viên trường THCS Định Tường	4,98	11/2023			22%	11/2023			4,65	11/2020	10.936	8.193	23	2		45	2	01/01/2024		x		321.613	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
91	Lê Thị Hồng	4/1970	Đại học	Giáo viên trường THCS Định Hòa	5,36	01/2023	0,2	12/2009	31%	01/2024			4,98	6/2018	13.110	10.684	32	9		54	1	01/6/2024	x				235.051	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
92	Trịnh Thị Hưng	4/1980	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Yên Phong	3,99	1/2023			20%	7/2023			3,96	10/2021	8.618	6.954	21	5		44	1	01/6/2024			x		250.122	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
93	Trịnh Xuân Khải	8/1965	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Hà Tông Huân	4,89	12/2017			34%	3/2024	8%	12/2023	4,58	12/2014	12.738	10.375	35	9		58	9	01/6/2024	x				228.239	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
94	Trịnh Thị Thanh	5/1971	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Yên Phong	4,98	1/2023			32%	9/2023			4,89	12/2022	11.832	9.401	33	9		53		01/6/2024	x				253.814	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.8	Huyện Quảng Xương																										1.087.388	
95	Lê Thị Dung	02/1978	Đại học	Giáo viên Trường THCS Quảng Nhân	4,68	01/2023			22%	12/2023			4,65	6/2021	10.277	8.062	23	1		44	11	01/01/2024			x		315.017	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
96	Lê Văn Việt	9/1972	Đại học	Giáo viên Trường THCS Quảng Văn	4,98	12/2021			26%	01/2023			4,65	12/2018	11.295	8.986	28	4		51	3	01/01/2024			x		418.041	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
97	Nguyễn Phú Nam	10/1975	Cao đẳng	Giáo viên Trường Tiểu học Tân Phong 2	4,58	3/2023			24%	3/2023			4,27	3/2020	10.223	7.846	27	3		48	2	01/01/2024				x	354.330	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.9	Thị xã Nghi Sơn																											383.215	
98	Nguyễn Thị Ngọc	5/1970	Trung cấp	Kế toán trưởng Mầm non Bình Minh	4,06	10/2004					22%	10/2023	2,68	10/2002	8.916	7.319	35	9		53	7	01/01/2024	x				182.983	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ	
99	Nguyễn Thị Hồng Phượng	6/1976	Đại học	Kế toán trưởng Mầm non Định Hải	3,99	4/2021							3,66	4/2018	7.182	5.811	20	2		47	6	01/01/2024				x	200.232	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.10	Huyện Hoằng Hóa																											559.059	
100	Trần Ngọc Phòng	9/1966	Đại học	Giáo viên trường THCS Hoằng Lưu	4,98	12/2017			34%	9/2023	8%	12/2022	4,65	12/2014	12.973	10.763	36	9		57	8	01/6/2024	x				290.604	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
101	Phạm Ngọc Đạo	5/1980	Đại học	Giáo viên trường THCS Hoằng Xuyên	4,32	01/2023			21%	10/2023			3,96	01/2020	9.409	7.118	22	3		43	7	01/01/2024				x	268.455	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
b.11	Huyện Thiệu Hóa																										530.143	
102	Vương Xuân Phú	10/1966	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Thiệu Vũ	4,89	12/2021			30%	9/2023			4,58	12/2018	11.443	9.367	30	9		57	7	01/6/2024	x				224.808	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
103	Đỗ Xuân Tuấn	11/1977	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Thiệu Hợp	4,27	9/2020			23%	12/2022			3,96	9/2017	9.454	7.537	24	5		46	1	01/01/2024			x		305.335	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.12	Huyện Nông Cống																										760.863	
104	Mai Thị Viên	9/1970	Đại học	Giáo viên trường THCS Vạn Hòa	5,02	4/2023			30%	9/2023			4,98	2/2021	11.747	9.548	30	2		53	3	01/01/2024	x				226.760	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
105	Nguyễn Kim Thùy	02/1980	Trung cấp	Kế Toán trưởng Tiểu học Công Chính	3,66	4/2022							3,46	4/2020	6.588	5.266	20	2		43	10	01/01/2024			x		181.695	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
106	Nguyễn Thị Hồng	8/1976	Đại học	Giáo viên trường THCS Tế Nông	4,65	4/2023			25%	11/2023			4,58	5/2022	10.463	8.076	26	2		47	4	01/01/2024			x		352.408	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
b.13	Huyện Hậu Lộc																										410.300	
107	Lưu Văn Trường	5/1967	Trung cấp	Kỹ thuật viên Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao&du lịch huyện	3,63	9/2010					16%	9/2023	3,45	9/2008	7.579	6.385	37	5		57		01/6/2024	x				183.557	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
108	Bùi Thị Hương	4/1970	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Tiến Lộc	4,98	10/2022			33%	9/2023			4,65	10/2019	11.922	9.858	34	9		54	1	01/6/2024	x				226.743	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.14	Huyện Vĩnh Lộc																										220.489	
109	Nguyễn Thị Thúy	4/1970	Đại học	Giáo viên Trường THCS Vĩnh Yên	4,98+0,15 (pc chênh lệch bảo lưu)	01/2023			30%	5/2023			4,89+5%	9/2022	11.923	9.483	32	1		53	8	01/01/2024	x				220.489	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.15	Thị xã Bỉm Sơn																										452.292	
110	Lý Lan Anh	5/1970	Đại học	Giáo viên Trường THCS Lê Quý Đôn	5,36	01/2023	0,15	9/2018	31%	4/2023			4,98+6%	10/2022	12.993	10.526	32	9		54		01/6/2024	x				231.574	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
111	Bùi Quang Trung	4/1965	Đại học	Giáo viên Trường THCS Ba Đình	5,7	01/2023	0,15	7/2021	18%	01/2024			4,98+8%	7/2022	12.425	9.596	37	7		58	11	01/4/2024	x				220.718	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
b.16	Huyện Như Xuân																											563.354	
112	Vi Thị Thu	8/1981	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học&THCS Yên Lễ	4,34	12/2023			20%	7/2023			4,00	01/2023	9.374	6.889	21				42	4	01/01/2024				x	245.141	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
113	Lê Thị Thu	9/1983	Trung cấp	Giáo viên Trường Mầm non Bình Lương	2,86	01/2022			16%	01/2023			2,66	01/2020	5.972	4.665	15	5			40	3	01/01/2024				x	126.365	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
114	Lê Thị Sinh	8/1970	Cao đẳng	Giáo viên Trường THCS Xuân Hòa	4,89	01/2023			27%	01/2023			4,58	01/2020	11.179	8.821	29	4			53	4	01/01/2024	x				191.848	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
b.17	Huyện Thường Xuân																											737.606	
115	Hà Đình Hoàng	01/1981	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Vạn Xuân	4,00	01/2023			20%	6/2023			3,99	11/2021	8.640	6.776	21	1			42	11	01/01/2024				x	244.446	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
116	Lê Tuấn Anh	12/1971	Đại học	Giáo viên Trường THCS Thọ Thanh	5,36	01/2023			30%	9/2023			4,98+6%	01/2022	12.542	9.957	30	4			52		01/01/2024				x	493.160	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
117	Bùi Thị Ngọc	8/1968	Đại học	Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học thị trấn Thường Xuân												34	4		55	4	01/01/2024	x				0	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.18	Huyện Như Thanh																										797.254	
118	Lê Thị Nga	01/1971	Cao đẳng	Giáo viên, Trường THCS Xuân Thái	4,89	12/2020			29%	2/2023	5%	12/2023	4,58	12/2017	11.922	9.173	31	4		52	11	01/01/2024	x				236.207	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng khác phù hợp để bổ trí và không thể bổ trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
119	Lê Văn Thiện	03/1966	Đại học	Kế toán, Trường THCS Hải Long	4,98	12/2018					6%	12/2022	4,65	12/2015	9.502	7.999	37	4		57	9	01/01/2024	x				205.979	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
120	Nguyễn Thị Oanh	10/1982	Đại học	Giáo viên, Trường THCS Yên Thọ	3,99	3/2021					16%	3/2023	3,66	3/2018	8.331	6.631	17	10		41	2	01/01/2024			x		204.022	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
121	Hoàng Nguyệt Minh	9/1970	Đại học	Viên chức, Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao&du lịch huyện	4,65	01/2022							4,32	01/2020	8.370	6.639	28	1		53	3	01/01/2024	x				151.046	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
b.19	Huyện Thạch Thành																									519.717	
122	Vũ Văn Tài	6/1974	Đại học	Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thạch Cẩm 2	5,02	01/2023	0,3	01/2018	25%	01/2023			4,98	12/2021	11.970	9.488	27	4		49	6	01/01/2024			x	427.290	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
123	Phạm Thị Hiền	5/1983	Cao đẳng	Giáo viên trường mầm non Thành Tâm	2,72	01/2023			11%	3/2023			2,66	9/2022	5.435	4.060	12	4		40	7	01/01/2024			x	92.427	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.20	Huyện Bá Thước																									1.057.972	
124	Hà Văn Thắng	02/1967	Đại học	Giáo viên, Trường THCS Lũng Cao	5,02	01/2023			27%	01/2024			4,98	10/2021	11.476	9.322	29	9		57	3	01/6/2024	x			233.055	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
125	Lê Văn Dũng	5/1966	Đại học	Hiệu trưởng trường Tiểu học Lũng Niêm	5,36	01/2023	0,4	10/2004	33%	10/2023			4,98+6%	6/2022	13.789	11.046	34	9		58		01/6/2024	x			270.631	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
126	Mai Huy Mạnh	6/1977	Đại học	Giáo viên, Trường THCS Bùi Xuân Chúc	4,34	01/2023			22%	11/2023			4,32	11/2022	9.531	7.241	23	2		46	6	01/01/2024			x	283.837	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
127	Hoàng Văn Hồng	5/1965	Cao đẳng	Kế toán trưởng Tiểu học Lũng Niêm	3,96	4/2023	0,2	01/2023					3,65	4/2020	7.488	5.737	25	3		58	11	01/5/2024	x			96.097	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
128	Nguyễn Thị Phương	12/1969	Cao đẳng	Kế toán Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên huyện	4,89	6/2017					8%	12/2023	4,58	12/2014	9.506	8.016	35	4		54		01/01/2024	x			174.352	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
b.21	Huyện Cẩm Thủy																									881.254	
129	Ngô Thị Thu	11/1980	Đại học	Giáo viên, Trường THCS Cẩm Phong	4,34	01/2023			20%	12/2023			4,32	9/2020	9.374	7.469	21	1		43	1	01/01/2024		x		268.990	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
130	Phạm Văn Thắng	6/1979	Cao đẳng	Giáo viên, Trường THCS Cẩm Thành	4,27	6/2023			21%	01/2024			3,96	6/2020	9.300	7.276	22	5		44	11	01/6/2024		x		273.465	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
131	Phạm Thị Quyên	10/1977	Đại học	Giáo viên trưởng Tiểu học Cẩm Tú	4,34	01/2023			23%	3/2022			4,32	01/3/2021	9.609	7.948	25	9		46	7	01/6/2024		x		338.798	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay			
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng							
b.22	Huyện Quan Sơn																										192.575	
132	Vi Văn Năm	01/1967	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Sơn Thủy	4,58	9/2022			26%	01/2024			4,27	9/2019	10.387	8.283	26	4		57	3	01/5/2024	x			192.575	Viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ	
b.23	Huyện Ngọc Lặc																										1.005.909	
133	Lê Thị Châu	5/1970	Đại học	Giáo viên, Trường THCS Cao Ngọc	4,98	12/2022			28%	01/2024			4,65	12/2019	11.474	9.169	29	8		54		01/6/2024	x			187.956	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
134	Lê Thị Kiệm	5/1969	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Ngọc Sơn	4,89	01/2023			32%	9/2023			4,58	01/2020	11.619	9.179	34	7		54	10	01/4/2024	x			183.581	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
135	Nguyễn Thị Loan	8/1975	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Thúy Sơn 1	4,58	7/2023			23%	4/2023			4,27	7/2020	10.140	7.726	24	3		48	4	01/01/2024		x		314.340	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
136	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/1987	Cao đẳng	Nhân viên thiết bị thí nghiệm. Trường Tiểu học&THCS Phùng Minh	3,34	7/2023							3,06	3/2021	6.012	4.552	15	4		36	10	01/01/2024		x		123.861	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay				
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng								
137	Cao Thị Thạch	01/1983	Trung cấp	Nhân viên thư viện, Trường Tiểu học&THCS Đồng Thịnh	3,46	4/2022							3,26	4/2020	6.228	5.030	18	5		41	1	01/3/2024				x	158.258	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
138	Quách Văn Thành	01/1991	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Mỹ Tân	2,06	01/2023							1,86	8/2020	3.708	2.551	6	11		33	1	01/3/2024				x	37.914	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
b.24	Huyện Lang Chánh																											855.679	
139	Phạm Xuân Đông	9/1966	Trung cấp	Nhân viên Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và du lịch huyện	3,63	11/2012					14%	12/2023	3,45	11/2010	7.449	6.258	36	5		57	8	01/6/2024	x					167.411	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
140	Phạm Huy Hùng	5/1965	Trung cấp	Nhân viên Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và du lịch huyện	3,63	12/2011					15%	12/2023	3,45	12/2009	7.514	6.314	36	11		59		01/6/2024	x					132.603	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
141	Bùi Văn Hữu	5/1967	Trung cấp	Nhân viên hành chính trường Tiểu học&THCS Giao An	3,86	4/2023							3,66	4/2022	6.948	5.459	20	8		57		01/6/2024	x					111.917	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
142	Lê Hữu Học	10/1965	Đại học	Kế toán, Trưởng THCS thị trấn Lang Chánh	3,99	9/2021							3,66	9/2019	7.182	6.002	20			58	5	01/4/2024	x					93.036	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN, ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
143	Nguyễn Thị Anh	10/1990	Trung cấp	Kế toán, trường Tiểu học Đồng Lương	3,06	8/2023	0,2	9/2019					2,86	8/2021	5.868	4.431	12	11		33	2	01/01/2024			x	104.012	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
144	Phạm Thị Phương	01/1969	Cao đẳng	Nhân viên hành chính trường Tiểu học Đồng Lương													20	3		54	11	01/01/2024	x			0	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
145	Lương Thị Bình	9/1970	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Đồng Lương	4,98+0,2 pc chênh lệch bảo lưu	01/2023			32%	9/2023			4,89+6%	12/2022	12.192	9.770	33	4		53	3	01/01/2024	x			246.700	Viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý